

# **BỒI THƯỜNG CHIẾN TRANH CỦA NHẬT BẢN Ở NAM VIỆT NAM (1954-1975) MỘT VIỆC LÂM MANG NHIỀU MỤC ĐÍCH**

**Võ Xuân Đàn**

Trường Đại học Sư Phạm

(Bài nhận ngày 26/04/1999)

**TÓM TẮT :** Việt Nam và Nhật Bản là hai quốc gia ở Châu Á. Hai nước không chỉ gần nhau về mặt địa lý mà còn có nhiều điểm tương đồng, có mối quan hệ về văn hóa, lịch sử và kinh tế lâu đời. Trải qua quá trình lịch sử, mối quan hệ giữa hai quốc gia Việt Nam - Nhật Bản có lúc thăng, lúc trầm, khi thuận, khi nghịch.

Bài viết này tập trung nghiên cứu một giai đoạn có nhiều gây cản trong bang giao Nhật - Việt thông qua mối quan hệ và bồi thường chiến tranh riêng rẽ ở Miền Nam Việt Nam tạm thời trong sự quản lý của Ngụy quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ (1954 - 1975).

## **I. ĐÔI NÉT VỀ QUAN HỆ NHẬT - VIỆT THỜI KỲ CẬN HIỆN ĐẠI.**

Quan hệ Nhật - Việt ở thời điểm lịch sử này là bước nối tiếp của những thế kỷ trước. Cuối thế kỷ thứ XVI, đầu thế kỷ thứ XVII quan hệ ngoại thương giữa Nhật Bản và Việt Nam hết sức phát triển. Các văn kiện ngoại giao giữa Nhật Bản - Việt Nam còn lưu giữ được đến ngày nay đã chứng minh điều đó (thư từ giao dịch giữa Nguyễn Hoàng ở Đàng Trong và thư từ trao đổi giữa chúa Trịnh Tùng và các quan chức của Chúa Trịnh gửi Mạc Phủ Nhật Bản) (1). Số giấy phép mà chính quyền Tokugawa cấp cho tàu thuyền Nhật Bản đi buôn bán ở khu vực Đông Nam Á là 356 cái trong đó có 130 giấy phép đến Việt Nam, chiếm tỉ lệ 39,2% (2)

Từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX Việt Nam có những biến động lớn về chính trị - xã hội và bị thực dân Pháp xâm lược, đô hộ. Quan hệ giữa Nhật Bản - Việt Nam bị ngưng trệ và biến đổi.

Đầu thế kỷ thứ XX, thành công của "Minh Trị duy tân" đưa Nhật Bản trở thành một cường quốc ở Châu Á, đã có ảnh hưởng lớn đến các sĩ phu yêu nước Việt Nam. Một phong trào học tập Nhật Bản đã được khởi xướng. Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ đã tổ chức "Phong trào Đông Du" (1905 - 1909) đưa gần 200 thanh niên yêu nước Việt Nam sang Nhật du học, đã được nhân dân Nhật Bản và nhiều chính khách tận tình giúp đỡ.

Với thắng lợi trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905), nước Nhật trở nên hùng mạnh và từng bước thực hiện tư tưởng thống trị Châu Á, giai cấp thống trị đã Nhật Bản đi vào con đường thực dân quân phiệt hóa.

Vào những năm 30 của thế kỷ này Nhật Bản đã phát động cuộc chiến tranh dưới danh nghĩa giải phóng các dân tộc Châu Á thoát khỏi sự thống trị của thực dân phương



tây, thực thi “Học thuyết Đại Đông Á” mà thực chất của nó là sự thiết lập ách thống trị của Nhật Bản ở các nước Châu Á.

Ngày 23-09-1940, với sự giúp đỡ của Đức, Nhật Bản đã ký với chính phủ Pétanh – chính phủ của nước Pháp đã đầu hàng phát xít Đức một hiệp định cho phép Nhật Bản đưa quân vào Đông Dương. Cuối tháng 9/1940 quân đội Nhật Bản từ Trung Quốc qua đường Lạng Sơn tiến vào Việt Nam, cùng với Pháp thống trị Việt Nam, vơ vét tài nguyên, nhân vật lực phục vụ chiến tranh của Nhật ở vùng Châu Á – Thái Bình Dương, đưa đến thảm cảnh trên 2 triệu người chết đói vào năm 1945.

Quan hệ Nhật – Việt ở thời điểm lịch sử này trở nên tồi tệ, quan hệ hai nước trở thành quan hệ kẻ xâm lược và bị xâm lược. Những triển vọng tốt đẹp của mối quan hệ Nhật – Việt đầu thế kỷ XX đã bị chủ nghĩa quân phiệt Nhật phá vỡ.

Tháng 8 năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, nhân dân Việt Nam đã tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật. Cùng thời gian này nước Nhật phát xít đã bị các lực lượng hòa bình, dân chủ đánh bại. Trang sử mới mở ra cho nước Nhật, quan hệ Nhật Bản – Việt Nam được tiếp nối trong bối cảnh quốc tế và điều kiện riêng của mỗi bên nên đặc biệt đích đặc, quanh co trong quá trình phát triển.

Từ năm 1945 đến 1954 trong đó có gần 7 năm (8/1945 – 4/1952) quân đồng minh, trên thực tế là quân đội Mỹ đã chiếm đóng Nhật Bản và trực tiếp đề ra những chính sách cơ bản cho sự phát triển của nước Nhật kể cả việc soạn thảo hiến pháp mới để Quốc hội Nhật thông qua (ngày 3-1-1946) thay thế cho hiến pháp Mây-gi năm 1889. Chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ đó hoàn toàn lệ thuộc và chịu sự tác động bởi chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Từ năm 1954 đến năm 1975, mở đầu bằng sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp của dân tộc Việt Nam, buộc chính phủ Pháp phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp. Đất nước Việt Nam tạm thời chia thành hai miền với hai chế độ chính trị xã hội khác nhau. Miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa tiến hành cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất đất nước. Ở Miền Nam, Mỹ thay chân Pháp, xây dựng bộ máy ngụy quyền thân Mỹ chống lại sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Quan hệ Nhật Bản – Việt Nam diễn ra với những cấp độ khác nhau giữa hai miền Nam – Bắc Việt Nam mà ngày nay giới nghiên cứu khoa học đã và đang tiếp tục bàn định.

Đối với miền Bắc Việt Nam, quan hệ Nhật Bản và miền Bắc nhìn chung tiến triển chậm, phụ thuộc vào chiến lược chiến tranh Việt Nam của Mỹ. Nhật Bản không công nhận chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, không bồi thường chiến tranh cho miền Bắc. Vào cuối những năm 60 và đầu 70 với thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam, quan hệ Nhật Bản với miền Bắc đã có bước khởi sắc và diễn ra nhiều cuộc tiếp xúc, đàm phán. Tháng 9 năm 1973 Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao, cử Đại Sứ đến Hà Nội, trao đổi phái đoàn thăm lẫn nhau, kim ngạch mậu dịch có sự tăng trưởng, đạt 50.000 USD vào năm 1974. Nhật Bản là nước có phong trào nhân dân ủng hộ Việt Nam chống Mỹ cứu nước về tinh thần và vật chất đứng đầu trong các nước tự bản.



Đối với chính quyền ngụy ở Nam Việt Nam : Là đồng minh của Mỹ nên Nhật Bản đã thực hiện cam kết "chia sẻ trách nhiệm" với Mỹ giúp ngụy quyền Sài Gòn đứng vững làm tên lính xung kích ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản phát triển xuống vùng Nam Châu Á. Nhật Bản sớm thiết lập quan hệ ngoại giao, cử phái đoàn cấp cao đến thăm Sài Gòn, cam kết và ký hiệp định bồi thường chiến tranh riêng rẽ cho Nam Việt Nam, cho vay, viện trợ, đầu tư. Tổng giá trị kim ngạch của Nhật đứng thứ hai sau Mỹ trong số các nước viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn.

## **II. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ, QUÁ TRÌNH BỒI THƯỜNG CHIẾN TRANH RIÊNG RẼ CỦA NHẬT BẢN CHO NAM VIỆT NAM.**

### *Hoàn cảnh lịch sử*

Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, Nhật Bản bại trận, đất nước bị tàn phá nặng nề về mọi mặt. Song cuộc xâm lược và thống trị của quân phiệt Nhật Bản gây nên cho nhân dân Châu Á (trong đó có Việt Nam) biết bao đau thương tang tóc.

Hiệp ước hòa bình San Francisco (9/1951), điều 14 đã quy định nước thua trận phải bồi thường những thiệt hại do mình gây nên trong chiến tranh thế giới thứ II. Nhật Bản là nước phải thực hiện hiệp ước này nhưng trong một thời gian dài lại có thái độ lẩn tránh, trì hoãn. Mãi đến nửa sau thập kỷ 50, Nhật Bản mới tiến hành việc ký kết hiệp ước bồi thường chiến tranh với Mianma, Philippin, Indonesia và Nam Việt Nam.

Việc bồi thường chiến tranh cho các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam, Nhật Bản đã thực hiện theo ý đồ của Mỹ là loại bỏ những nước cộng sản ra khỏi danh sách những nước được nhận bồi thường như Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và Bắc Việt Nam.

Năm 1954 Nhật Bản còn chính thức tham gia Ủy ban viện trợ phát triển (DAC), là một tổ chức do Mỹ đứng đầu dùng hình thức viện trợ cho các nước đang và kém phát triển nhằm đưa các nước này vào con đường lệ thuộc Mỹ. Nhật Bản gia nhập DAC với hai mục đích: phục vụ cho chiến lược của Mỹ và thông qua viện trợ để bành trướng kinh tế ra nước ngoài và qua đó để Nhật Bản thiết lập được quan hệ ngoại giao bình thường với các nước Đông Nam Á.

Từ những năm sau chiến tranh, tình hình kinh tế xã hội Nhật Bản từng bước được phục hồi và phát triển nhanh chóng. Yếu tố quyết định là sự cố gắng của nhân dân Nhật Bản, song chính sách đối ngoại cũng chịu nhiều ảnh hưởng của tình hình quốc tế, của quan hệ Xô - Mỹ khi mà cuộc chiến tranh lạnh ngày càng trở nên sâu sắc. Thắng lợi của cuộc cách mạng Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1949) làm cho Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào Nhật Bản, tích cực viện trợ nhằm tăng cường sức mạnh kinh tế và quân sự của Nhật Bản, biến nước này thành đối trọng với lực lượng cách mạng thế giới để Nhật Bản trở thành "bức tường chống cộng sản" ở Châu Á.

Chính trong bối cảnh lịch sử đó mà Nhật Bản đã thực hiện việc bồi thường chiến tranh, viện trợ riêng rẽ cho miền Nam Việt Nam. Ở miền Nam từ 1954 đến 30 - 4 - 1975, đế quốc Mỹ đã thay chân Pháp, thực hiện âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành một "Thuộc địa kiểu mới" và là căn cứ quân sự của Mỹ để tiến công hệ thống xã hội chủ



ngĩa, làm “con dê” ngăn chặn chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng đang bùng lên mạnh mẽ ở khu vực Đông Nam Á. (3)

### *Quá trình bồi thường chiến tranh*

Bất chấp sự từ chối tham gia của các đảng phái đối lập, ngày 27-1-1959 Hạ viện Nhật Bản đã bỏ phiếu thông qua hiệp định bồi thường chiến tranh cho Nam Việt Nam. Còn trên thực tế thì theo tinh thần hiệp ước hòa bình ở San Francisco, Nhật Bản đã xúc tiến việc thương lượng bồi thường chiến tranh với ngụy quyền Bảo Đại qua việc ký hiệp ước tạm thời bồi thường chiến tranh liên quan tới việc trục vớt những chiếc tàu bị đắm vào tháng 9 năm 1953.

Sau khi Ngô Đình Diệm lên cầm quyền ở miền Nam, đã đưa ra những đòi hỏi mới nên hiệp ước trên bị bãi bỏ. Vấn đề bồi thường chiến tranh cho Nam Việt Nam được đưa ra thương lượng lại và kéo dài trong suốt 3 năm (1956-1959).

Trong khi đó các nước khác ở khu vực Đông Nam Á, Nhật Bản đã tiến hành việc ký kết hiệp ước bồi thường chiến tranh, tháng 11-1954 với Mianma, tháng 6-1956 với Philippin, tháng 1-1958 với Indonexia.

Lý do đàm phán kéo dài việc bồi thường chiến tranh cho Nam Việt Nam vì chính quyền Ngô Đình Diệm yêu cầu một khoản bồi thường lớn bằng những số liệu cụ thể về những thiệt hại trực tiếp và gián tiếp do quân phiệt Nhật gây ra với tổng giá trị đòi phía Nhật Bản phải bồi thường là 2 tỷ USD.

Nhật Bản không chấp nhận khoản tiền lớn như thế. Sau nhiều lần đàm phán, do sức ép của Mỹ, Ngụy quyền Sài Gòn phải chấp nhận mức bồi thường do Nhật Bản đưa ra là 55,6 triệu USD trong đó có 39 triệu USD là thuần túy tiền bồi thường chiến tranh và 16,6 triệu USD là khoản tiền cho vay với lãi suất thấp.

Con số 39 triệu USD so với đòi hỏi của ngụy quyền Sài Gòn là 2 tỷ là quá thấp chỉ chiếm có 1,9% tổng số yêu cầu bồi thường. Nhật Bản đã đạt được nhiều mục đích cùng một sự việc: Thực hiện trách nhiệm do quốc tế quy định tại hiệp ước hòa bình San Francisco, thỏa mãn được chính sách cô lập trong bồi thường chiến tranh của Mỹ (không bồi thường cho những quốc gia cộng sản) Nhật chỉ bỏ ra một khoản ngân sách quốc gia nhỏ nhoi để thực hiện nhiều mục đích lớn. (Trong khi đó số tiền Nhật Bản đã bồi thường cho Philippin là 550 triệu USD; Indonexia: 223 triệu; Mianma: 200 triệu, chưa kể những khoản bổ sung khác).

### **III. NHẬN XÉT**

Chính sách ngoại giao và bồi thường chiến tranh cho Nam Việt Nam của chính phủ Nhật Bản đã bị nhân dân tiến bộ và các đảng phái đối lập chỉ trích, phản đối mạnh mẽ kể cả trong Quốc hội Nhật Bản. Quan điểm bao trùm của phong trào là phản đối sự bất công bằng trong việc bồi thường: miền Bắc Việt Nam mới đáng được bồi thường hơn cả, bởi sự tàn phá khủng khiếp do quân phiệt Nhật Bản gây ra trong thời kỳ chiếm đóng. Song cuối cùng Quốc hội, chính phủ Nhật Bản vẫn không cưỡng lại được ý đồ của Mỹ nên thực hiện việc bồi thường chiến tranh riêng rẽ cho Nam Việt Nam một cách bất hợp pháp.



Thông qua bồi thường chiến tranh, mối quan hệ Nhật Bản – Nam Việt Nam trở nên gần gũi, thân thiết. Tạp chí Quê Hương số 8 xuất bản tháng 2 năm 1960 tại Sài Gòn đã mô tả buổi lễ trao đổi các văn kiện phê chuẩn thỏa ước bồi thường chiến tranh giữa chính phủ Nhật Bản và ngụy quyền Sài Gòn tại Bộ Ngoại giao Nhật Bản như là một sự kiện trọng đại, như lời Ngoại trưởng Nhật Bản Fu Jiyama trong buổi lễ: Một ngày ghi nhớ, một trang sử mới cho nền bang giao Việt – Nhật, sự kiện đó không những có ý nghĩa là Nhật Bản muốn đền bù những thiệt hại vật chất do Nhật gây ra tại Việt Nam trong thời kỳ thế giới đại chiến lần thứ hai mà còn cụ thể hóa mối giao hảo và tình thân giữa hai nước trong tinh thần đoàn kết giữa các quốc gia Á Châu. (4)

Như vậy qua việc bồi thường chiến tranh cho Nam Việt Nam nói riêng và cho các nước Mianma, Philippin, Indonesia, Nhật Bản đã chấm dứt được tình trạng căng thẳng và sự cô lập của họ ở Châu Á, thiết lập được quan hệ ngoại giao và hợp tác kinh tế với các nước Đông nam Á.

Một mục đích nữa mà Nhật Bản đạt được trong việc bồi thường chiến tranh cho Nam Việt Nam là không bồi thường bằng tiền mặt mà bằng hàng hóa và các sản phẩm công nghiệp, không dùng đến ngoại tệ mà vẫn thực thi được việc bồi thường, biến Nam Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa, tạo điều kiện để bành trướng về kinh tế cho những năm tiếp theo. Điều này được giới doanh nghiệp và công nghiệp của Nhật Bản ủng hộ mạnh mẽ vì họ nhận thức được mối quan hệ giữa trả tiền bồi thường chiến tranh với việc phát triển kinh tế của Nhật Bản.

Giá trị bồi thường chiến tranh cho Nam Việt Nam trong những năm 1954 – 1975 mang nhiều tính chất và ý nghĩa tượng trưng hơn là thực chất của nội dung bồi thường theo đúng nghĩa mà công pháp quốc tế đã quy định. Chưa nói đến việc giới công nghiệp và thương nghiệp của Nhật Bản đã trực lợi trong số tiền bồi thường ít ỏi này qua việc cung cấp vật tư, hàng hóa buộc Nam Việt Nam phải sử dụng, tiêu thụ. Giới kinh doanh chớp bu Nhật Bản đã coi việc bồi thường chiến tranh là một biện pháp để họ quay vòng tiền thuế trở lại vào lĩnh vực công nghiệp ... thực chất cũng chỉ là một cuộc đầu tư do các thủ lĩnh kinh doanh thân với Thủ tướng đề xuất bởi lẽ họ nhận thấy đây là một cơ hội tốt để thu lợi nhuận khi Mỹ đang dính líu vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Theo sự đánh giá của giới báo chí và nhà nghiên cứu, trong suốt thời gian Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, trung bình mỗi năm Nhật Bản lời từ 1,5 đến 2 tỷ USD. Cuộc chiến tranh Việt Nam được đánh giá như “ngọn gió thần” thứ hai thổi vào nền kinh tế Nhật Bản, gắn với những nhân tố mới trong nước làm cho Nhật Bản đạt được sự thần kỳ trong phát triển kinh tế, làm cho thế giới hết sức ngạc nhiên.

Bên cạnh số tiền bồi thường chiến tranh, Nhật Bản còn viện trợ và đầu tư vào miền Nam Việt Nam một khoản ngân sách lớn đứng thứ hai sau Mỹ: 137,1 triệu USD và 4.560.000 USD với 32 hạng mục công trình đầu tư. Ngoài giá trị mang lại cho các công ty Nhật lợi nhuận lớn, thực tế khách quan đã đóng góp cho sự phát triển ở một chừng mực trong một số lĩnh vực kinh tế ở Nam Việt Nam như công trình thủy điện Đa Nhim, nhà máy điện Diesel Sài Gòn, nhà máy điện Cần Thơ, hệ thống thông tin liên lạc Sài Gòn, đường dây tải điện Dalat – Cam Ranh, cung cấp thuốc men và xây dựng bệnh viện Chợ Rẫy.



Đất nước Việt Nam thống nhất, Nhật Bản có dịp thực hiện nghĩa vụ của mình trong việc bồi thường chiến tranh cho Việt Nam, khắc phục việc làm “không hợp pháp”, điều mà sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ: “Trong cuộc chiến tranh thế giới thứ II, phát xít Nhật đã xâm chiếm Việt Nam và gây ra nhiều tổn hại cho nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam. Toàn thể nhân dân Việt Nam có quyền đòi chính phủ Nhật Bản bồi thường những thiệt hại đó, nhưng hiện nay chính phủ Nhật Bản đã tiến hành đàm phán và ký kết bồi thường chiến tranh riêng rẽ với chính quyền miền Nam Việt Nam là không hợp pháp”. (5)

Từ sau năm 1975, Nhật Bản đã tiếp tục thực hiện điều mà nhân dân Việt Nam yêu cầu. Trong khoảng thời gian từ 1975 đến 1976 Nhật Bản đã bồi thường chiến tranh dưới danh nghĩa viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam trên 50 triệu USD và năm 1978 cho Việt Nam vay 10 tỷ Yên, tiếp tục viện trợ không hoàn lại 4 tỷ Yên nữa...

Kỷ nguyên mới trong mối quan hệ truyền thống lâu đời giữa Nhật Bản với Việt Nam đang mở ra và phát triển mạnh vào những năm cuối thế kỷ XX này, đúng như lời thủ tướng Nhật Bản Murayama tuyên bố khi đến thăm Việt Nam năm 1994: “Tôi muốn xây dựng các mối quan hệ hợp tác rộng rãi không chỉ trong lĩnh vực hợp tác kinh tế mà cả trong các lĩnh vực chính trị văn hóa và các lĩnh vực khác ... Vì rằng sự phát triển của Việt Nam không những quan trọng với riêng Việt Nam mà còn rất quan trọng đối với Đông Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương và cả thế giới. Xuất phát từ nhận thức này, Nhật Bản sẽ đóng góp tối đa vào sự nghiệp đó”.

Nhân dân Việt Nam hy vọng rằng: “với tiềm lực kinh tế khoa học - kỹ thuật to lớn của mình Nhật Bản sẽ đóng một vai trò tích cực và quan trọng trong sự phát triển của toàn khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng như trong sự nghiệp hòa bình, ổn định hợp tác và phát triển trên thế giới, góp phần xây dựng một tương lai tươi đẹp để cho những kỷ ức về chiến tranh thế giới thứ II của nhân dân Châu Á lùi sâu về dĩ vãng”.(6)

#### **CHÚ THÍCH :**

- (1): Phan Ngọc Liên (Chủ biên) - Nghiêm Điềm Vỹ - Đinh Ngọc Bảo, Đỗ Thanh Bình - Trần Thị Vinh, Lịch sử Nhật Bản, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội 1997.
- (2) Đô thị cổ Hội An, NXB KHXH, Hà Nội, 1991.
- (3) Lê Mậu Hãn (Chủ biên)- Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư, Đại cương lịch sử Việt Nam tập III, NXB Giáo dục, Hà Nội 1997.
- (4) Thỏa ước bồi thường hiến tranh Nhật - Việt, Tạp chí Quê Hương Số 8/1960, Sài Gòn, tr 518,519.
- (5) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 514 - 515
- (6) Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản Số 1 tháng 4 Năm 1995, Hà Nội, tr 6



## THE WAR COMPENSATION OF JAPAN IN SOUTHERN VIETNAM (1954 – 1975) – A DEED FILLED WITH PURPOSES

Vo Xuan Dan

*Japan and Vietnam are two countries in Asia. They are not adjacent to geographic location but also having many same points, having relation on culture, history and economy for a long time. However, spending the periods of history, the relation between Japan and Vietnam occasionally has been set on the development, favor, peacefulness even confrontation*

*This article focuses on a thorny phase in the relation between Japan and Vietnam through the temporary separate war compensation policy in Southern Vietnam under the control of Saigon regime and USA (1954 – 1975).*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Ngọc Liên (Chủ biên) – Nghiêm Điềm Vỹ – Đinh Ngọc Bảo, Đỗ Thanh Bình – Trần Thị Vinh, Lịch sử Nhật Bản, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội 1997.
2. Masaya Shiraishi, Quan hệ Nhật Bản - Việt Nam 1951 – 1987, NXB KHXH Hà Nội, 1994.
3. Đô thị cổ Hội An, NXB KHXH, Hà Nội, 1991.
4. Lê Mậu Hãn (Chủ biên)- Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư, Đại cương lịch sử Việt Nam tập III, NXB Giáo dục, Hà Nội 1997.
5. Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản : Số 1,2,3 năm 1995, Số 3 (7) năm 1996.
6. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 191 năm 1980, số 261, năm 1992, Hà Nội.
7. Tạp chí Chấn hưng kinh tế, số 117 (1959), số 339 (1963) số 720, 726,766 (1971), Sài Gòn.
8. Tạp chí Quê Hương số 8, 15, 16 (1960), số 23 (1961), Sài Gòn.
9. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam - Viện Thông Tin Khxh: Tình hình kinh tế Nhật và âm mưu bành trướng của Nhật ở Đông Dương, NXB KHXH, Hà Nội, 1976.
10. Viện Nghiên Cứu Ochuo: Kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ II, NXB KHXH, Hà Nội, 1992 – Phạm Hưng Long dịch.